

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HS-ST
Ngày 28/02/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Bá Dự

Thẩm phán: Ông Phan Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Hồng Mẫn ; Ông Hoàng Xuân Khoát ; Ông Nguyễn Đình Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Dũng– Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 75/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh T, sinh năm 1990 tại Bình Thuận; Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Lái xe; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1965 và bà Lê Thị T, sinh năm 1970; có vợ Tăng Thị L, sinh năm 1992 và có 01 con, sinh năm 2016. Tiền án: Không; Tiền sự: Không

Bị bắt giữ ngày 15/11/2018 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

*** Bị hại:**

- Phạm Ngọc L, sinh năm 1980.

- Vũ Thị Thùy P, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: 135 H, TDP 4, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Vũ Xuân N, sinh năm, 1984. Địa chỉ: 36^A Hu, tổ 1, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Nguyễn Xuân T, sinh năm 1966. Địa chỉ: 12 Đ, P, Tp. P, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

- Phan Thị Kim H, sinh năm 1993. Địa chỉ: 147 Ng, H, Bình Thuận. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 05/10/2018, Nguyễn Thanh T cùng Nguyễn Vạn T đi uống cà phê tại một quán cà phê tại thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Lúc này T có điện thoại gọi bạn của T là Trần Ngọc H đến ngồi chơi cùng uống. Trong khi ngồi chơi uống cà phê, do H không có sổ Hộ khẩu ở Bình Thuận nên H nói T đi thuê xe ô tô tự lái để đi Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa chơi. H đưa cho T 19.000.000 đồng để thuê xe trong thời gian 01 tháng. T đã đến chi nhánh của Công ty TNHH du lịch và thương mại Hà Nội tại địa chỉ S30 T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận gặp anh Nguyễn Xuân T là Giám đốc điều hành để thuê xe ô tô. T đã ký hợp đồng thuê của anh T chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA-FORTUNER, biển số 29A-350.31 trong thời hạn 01 tháng với giá 20.000.000 đồng, T trả trước cho anh T 19.000.000 đồng. Anh T giao chiếc xe trên cùng bản gốc Giấy chứng nhận nhận kiểm định kỹ thuật, Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của xe và bản photocopy Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 29A-350.31 cho T. Sau khi nhận xe, T giao xe cùng giấy tờ kèm theo cho H. H sử dụng xe đi lại trong thành phố P, đến tối cùng ngày thì H điều khiển xe chở T cùng T đi Nha Trang - Khánh Hòa chơi. Đến rạng sáng ngày 06/10/2018, H nói lên huyện K, tỉnh Gia Lai gặp bạn và điều khiển xe ô tô 29A-350.31 chở T đi cùng, còn T đón taxi về lại tp. P. Khi gần đến huyện K, H nói T là thế xe lấy tiền đi đánh bạc. T hỏi H không có cả vẹt xe thì làm sao thế được, lúc này H có lấy 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 29A-350.31 đưa cho T xem và nói H đã chụp hình bản photocopy giấy đăng ký xe ô tô và nhờ người khác làm giả rồi. Khoảng trưa ngày 06/10/2018, H và T đến tiệm cầm đồ “Hương Châu” của chị Trần Thị Diễm H ở xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai, H nói T đưa giấy Chứng minh nhân dân của T cho H rồi H gặp chị H thỏa thuận, thế chấp chiếc xe trên cho chị H với số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi thế chấp xe, T và H đón xe taxi đến thị xã N, tỉnh Khánh Hòa thuê khách sạn ở. Tại đây, H đã sử dụng số tiền thế chấp xe đi đánh bạc ở đâu T không rõ. Ngày 12/10/2019, H quay lại tiệm cầm đồ “Hương Châu” chuộc lại xe ô tô đã thế chấp rồi điều khiển quay lại thị xã N, tỉnh Khánh Hòa đưa lại cho T xe cùng giấy tờ của xe và CMND của T. Sau đó, T điều khiển xe ô tô về thành phố P, tỉnh Bình Thuận, còn H đi đâu không rõ.

Trong thời hạn sử dụng xe ô tô thuê của anh T chưa hết, do không có tiền để tiêu xài, T đã sử dụng số điện thoại **0946300462** của mình để liên lạc với số điện thoại **0978 666 343** của H và hỏi H làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 29A-350.31 để đem thế chấp. H đã cho T số điện thoại **0933236417** (không biết tên chủ thuê bao) để liên hệ làm giả Giấy đăng ký xe. Ngày 22/10/2018, T liên hệ với chủ thuê bao số điện thoại **0933236417** nói là em của anh H và nhờ làm Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Hai bên thỏa thuận làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô với giá 5.000.000 đồng. T đã dùng điện thoại chụp ảnh bản photocopy Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 29A-350.31 mà anh T đã giao cho T rồi gửi qua

ứng dụng zalo của chủ thuê bao số điện thoại **0933236417** đặt làm giả Giấy chứng nhận xe ô tô biển số 29A-350.31 mang tên HOÀNG ANH T đồng thời chuyển 5.000.000 đồng vào số tài khoản (hiện T không nhớ) do người nhận làm giả giấy đăng ký xe cung cấp. Sau khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 016340 xe biển số 29A-350.31 mang tên HOÀNG ANH T do người nhận làm gửi qua xe khách tuyến Bình Thuận - thành phố Hồ Chí Minh. T nói Nguyễn Vạn T thuê xe ô tô khác đi cùng T đến thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai để chờ T quay về thành phố P, tỉnh Bình Thuận. T đã thuê xe ô tô khác và cùng một người tên T (*không rõ nhân thân*) đi theo xe ô tô biển số 29A-350.31 do T điều khiển. T đến tiệm cầm đồ “*Hương Châu*” gặp chị H để thế chấp nhưng chị H không có tiền nên đã giới thiệu T đến tiệm cầm đồ Lai Phương ở thị trấn P, huyện K của vợ chồng anh Phạm Ngọc L, Vũ Thị Thùy P để thế chấp. T đến tiệm cầm đồ Lai Phương gặp anh L và làm hợp đồng cầm cố xe ô tô biển số 29A-350.31 với số tiền 300.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày. T đã giao cho anh L xe ô tô trên cùng Giấy chứng nhận nhận kiểm định kỹ thuật, Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của xe, CMND của T và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả. Sau khi cầm cố xe, T cùng T đã chờ T về thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. T đã trả cho T, T 4.000.000 đồng tiền thuê xe ô tô và tiền công chờ T. Tại thị xã N - Khánh Hòa, T khai đã ăn chơi tiêu xài và đánh bạc bằng hình thức xóc bầu cua bị thua hết tiền (T khai thua gần 200 triệu đồng). T đã liên hệ với chị P để mượn thêm 50.000.000 đồng, chị P đồng ý nên T đã gửi cho chị P số tài khoản của một người (không rõ tên địa chỉ) cùng ngồi chơi đánh bạc với T. Chị P đã chuyển 50.000.000 đồng vào số tài khoản này. Khi nhận được tiền, T tiếp tục đánh bạc và sử dụng tiêu xài cá nhân.

Ngày 26/10/2018, T liên hệ với chị P thỏa thuận thế chấp thêm một chiếc xe nữa, chị P đồng ý nhưng yêu cầu phải là xe chính chủ. T đến gặp anh Nguyễn Xuân T để thuê xe ô tô khác với lý do xe ô tô biển số 29A-350.31 đang cho bạn mượn. Do không còn xe, anh T giới thiệu T đến gặp chị Phan Thị Kim H là Giám đốc Công ty TNHH THƯƠNG MẠI MUINE TRAVEL HOLIDAY ở địa chỉ số 147, đường N, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận để thuê xe. T đến gặp chị H và ký hợp đồng thuê xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA-VIOS E, biển số 86A-068.26 với giá 7.5000.0000 đồng trong thời hạn 10 ngày. Chị H đã giao cho T chiếc xe trên cùng bản gốc Giấy chứng nhận kiểm định kỹ thuật, Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc và bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 86A-068.26 mang tên chủ sở hữu là “CTY TNHH TM MUINE TRAVEL HOLIDAY”. Sau khi thuê xe, cũng bằng cách thức nêu trên, T đã liên lạc với chủ thuê bao số điện thoại **0933236417** thuê làm giả giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 86A-068.26 mang tên NGUYỄN THANH T. Khi có Giấy đăng ký giả của xe, T nói T thuê xe đi cùng T đến huyện K, tỉnh Gia Lai để chờ T quay về thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Ngày 29/10/2018, T điều khiển xe ô tô biển số 86A-068.26 đến tiệm cầm đồ Lai Phương để thế chấp với số tiền 220.000.000 đồng. Anh L đã làm hợp đồng cầm cố tài sản là xe ô tô biển số 86A-068.26 và mượn anh Vũ Xuân N (là em trai

chị P) 220.000.000 đồng đưa cho T. T đã giao cho anh L chiếc xe ô tô cùng bản gốc Giấy chứng nhận nhận kiểm định kỹ thuật, Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của xe và giấy “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ” giả số 013529, mang tên NGUYỄN THANH T. Đồng thời anh L làm lại Hợp đồng cầm cố tài sản là xe ô tô biển số 29A-350.31 với số tiền 350.000.000 đồng, vì sau khi thế chấp chiếc xe này vào ngày 23/10/2019 thì T đã mượn thêm của chị P 50.000.000 đồng. Cả hai hợp đồng cầm cố tài sản này đều trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày 29/10/2018 đến 29/11/2018. Sau khi nhận tiền thế chấp xe, T cùng T đi xe ô tô của T quay về thành phố P, tỉnh Bình Thuận. T đã trả cho T 4.000.000 đồng tiền thuê xe ô tô và tiền công chở T. T điện thoại cho chị H để thuê chiếc xe ô tô biển số 86A-068.26 thêm 05 ngày và chuyển cho chị H 4.000.000 đồng, số tiền còn lại T đã sử dụng tiêu xài cá nhân.

Sau khi sử dụng tiêu xài hết số tiền 220.000.000 đồng, T đã liên hệ với chị P để mượn thêm tiền từ việc thế chấp chiếc xe TOYOTA-VIOS E, biển kiểm soát 86A-068.26 nhưng chị P không đồng ý mà hỏi T nếu kẹt tiền thì có bán luôn xe ô tô không thì T đồng ý bán chiếc xe trên. Ngày 07/11/2018, T đến tiệm cầm đồ và thỏa thuận bán chiếc xe ô tô TOYOTA-VIOS E, biển kiểm soát 86A-068.26 cho anh Vũ Xuân N 350.000.000 đồng. T và N viết giấy tay Hợp đồng mua bán xe ô tô biển số 86A-068.26. Chị P và anh N cùng T trao đổi thống nhất khấu trừ 220.000.000 đồng cầm cố xe ô tô TOYOTA-VIOS E và 50.000.000 đồng T mượn thêm sau khi thế chấp xe ô tô biển số 29A-350.31 và trả tiền lãi của cả 02 xe ô tô trong thời gian thế chấp, số tiền bán xe ô tô biển số 86A-068.26 còn lại, anh N đã đưa cho T 60.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, T quay về Bình Thuận ăn chơi tiêu xài.

Ngày 10/11/2018, T tiếp tục đến gặp anh Nguyễn Xuân T để thuê xe ô tô. Anh T đồng ý cho T thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA-CAMRY biển số 29A-281.07 và giao cho T bản gốc Giấy chứng nhận kiểm định kỹ thuật, Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc và bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005604, mang tên chủ sở hữu là “CTCP XD&TM BIDV VIỆT NAM”, T trả trước cho anh T 4.000.000 đồng tiền thuê xe và trả thêm 1.000.000 đồng tiền thuê xe ô tô biển số 29A-035.31 còn thiếu. Sau khi thuê được xe ô tô biển số 29A-281.07, T tiếp tục liên lạc với chủ thuê bao qua số điện thoại **0933236417** để thuê làm giả giấy “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ” số 005604, mang tên NGUYỄN HOÀNG A. Sau khi nhận được giấy đăng ký xe giả, ngày 15/11/2018, T nói Nguyễn Vạn T thuê xe đi cùng đến huyện K, tỉnh Gia Lai để chở T quay về thành phố P nên T đã đi thuê xe và rủ Đỗ Trịnh C, Nguyễn Thị Mỹ L (là bạn của T) đi cùng. Khi T điều khiển xe ô tô biển số 29A-281.07 đến tiệm cầm đồ Lai Phương của Lai để thế chấp thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai bắt giữ cùng tang vật

Cơ quan điều tra đã tạm giữ đồ vật tài liệu gồm:

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA-FORTUNER, biển số 29A-350.31 kèm theo giấy chứng nhận kiểm định, Giấy chứng nhận bảo hiểm của xe.

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA-VIOS E, biển số 86A-068.26 kèm theo giấy chứng nhận kiểm định, Giấy chứng nhận bảo hiểm của xe.

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA-CAMRY biển số 29A-281.07 kèm theo giấy chứng nhận kiểm định, Giấy chứng nhận bảo hiểm và bản sao Giấy chứng nhận đăng ký của xe.

- 01 (một) giấy “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ” số 005604, mang tên NGUYỄN HOÀNG A;

- 01 (một) giấy “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ Ô TÔ” số 016340 mang tên HOÀNG ANH T;

- 01 (một) giấy “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ” số 013529, mang tên NGUYỄN THANH T.

- 02 (hai) Hợp đồng cầm cố tài sản đối với xe ô tô biển số 29A-350.31 và xe ô tô biển số 86A-068.26 đề ngày 29/10/2018; 01 (một) hóa đơn của dịch vụ cầm đồ “Hương Châu” đề ngày 06/10/2018, tên hàng ghi “1 xe ô tô, 29A-35031”.

- 01 (một) Hợp đồng mua bán đối với xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA-VIOS E, biển kiểm soát 86A-068.26, đề ngày 7/11/2018, người bán ghi tên Nguyễn Thanh T.

- 01 điện thoại di động hiệu NOKIA có Imei: và 01 sim số kèm theo; 01 (một) cái ví màu đen, bên trong có một tờ tiền polime, mệnh giá 500.000 đồng; 01 Giấy CMND mang tên Nguyễn Thanh T.

Đối với 03 Giấy chứng nhận đăng ký ô tô mà Tuấn đã thuê người khác làm đã bị thu giữ gồm; Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016340, tên chủ xe HOÀNG ANH T, biển số đăng ký 29A-350.31; Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013529, tên chủ xe NGUYỄN THANH T biển số đăng ký 86A-068.26 và Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005604, tên chủ xe NGUYỄN HOÀNG A biển số đăng ký: 29A-821.07. Qua giám định các Chứng nhận đăng ký xe ô tô nói trên, tại Kết luận giám định số 35/KLGD ngày 30/11/2018 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Gia Lai đã kết luận là giả (*BL số 30: Kết luận giám định*).

Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã xử lý vật chứng trả cho chị Phan Thị Kim H chiếc xe ô tô biển số 86A-068.26 cùng Giấy chứng nhận kiểm định, giấy chứng nhận bảo hiểm của xe. Trả cho anh Nguyễn Xuân T 02 xe ô tô biển số 29A-350.31 và xe ô tô biển số 29A-281.07 cùng Giấy chứng nhận kiểm định, giấy chứng nhận bảo hiểm của hai xe ô tô này (*BL số 210, 236: Biên bản trả đồ vật, tài sản*).

- Về dân sự

+ Anh Nguyễn Xuân T (Giám đốc điều hành chi nhánh của Công ty TNHH du lịch và thương mại Hà Nội) và chị Phan Thị Kim H (Giám đốc Công ty TNHH THƯƠNG MẠI MUINE TRAVEL HOLIDAY) đã nhận lại các xe ô tô cho Nguyễn Thanh T thuê nên không yêu cầu Tuấn bồi thường

+ Anh Phạm Ngọc L và chị Vũ Thị Thùy P yêu cầu T phải trả lại tổng số tiền 570.000.000 đồng; Anh Vũ Xuân N yêu cầu Tuấn trả lại số tiền 60.000.000 đồng. Hiện bị cáo Nguyễn Thanh T chưa thực hiện việc trả lại tiền cho các bị hại

Cáo trạng số 07/CT-VKS-P3 ngày 31/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm b, c khoản 2 Điều 341 BLHS

2. Quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa:

* Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị như sau:

-Về tội danh, đề nghị: Tuyên bố Nguyễn Thanh T phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”

-Về hình phạt, đề nghị:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T mức án từ 12 đến 13 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T mức án từ 03 đến 03 năm 06 tháng tù về tội “*làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”

Áp dụng điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt chung của hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải chấp hành là từ 15 năm đến 16 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/11/2018.

-Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải trả lại cho anh Phạm Ngọc L và chị Vũ Thị Thùy P số tiền là 570.000.000 đồng, trả lại cho anh Vũ Xuân N số tiền là 60.000.000 đồng đã chiếm đoạt của các bị hại

-Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự : Trả lại cho bị cáo 01 ví da màu đen; tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động của bị cáo; tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại; Bảo thủ số tiền 500.000 đồng của bị cáo nhằm đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo

-Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm

* Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và nhất trí với việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai về tội danh và điều luật áp dụng. Bị cáo hối hận về hành vi của mình, trong lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

* Bị hại anh Phạm Ngọc L và chị Vũ Thị Thùy P yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 570.000.000 đồng, anh Vũ Xuân N yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 60.000.000 đồng. Về hình phạt đề nghị xử nghiêm bị cáo theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi,

quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh T khai nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của phía bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, đủ cơ sở kết luận:

Vào các ngày 5/10/2018, ngày 26/10/2018 và ngày 10/11/2018, do cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân, bị cáo Nguyễn Thanh T đã thuê của anh Nguyễn Xuân T 02 xe ô tô tự lái biển số 29A-350.31 và 29A-281.07, thuê của chị Phan Thị Kim H 01 xe ô tô tự lái biển số 86A-068.26. Sau mỗi lần thuê xe, Nguyễn Thanh T đã cung cấp thông tin, tài liệu, rồi nhờ một đối tượng (không xác định được nhân thân, lai lịch) làm giả 03 giấy chứng nhận đăng ký của các xe ô tô này, mang đi thế chấp cho vợ chồng anh Phạm Ngọc L, chị Vũ Thị Thùy P lấy tiền tiêu xài, và bán lại xe ô tô biển số 86A-068.26 cho anh Vũ Xuân N là em của chị P Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của vợ chồng anh Phạm Ngọc L, chị Vũ Thị Thùy P và anh Vũ Xuân N là 630.000.000 đồng. Ngày 15/11/2018, bị cáo tiếp tục đem ô tô biển số 29A-281.07 và giấy chứng nhận đăng ký giả đến tiếp tục thế chấp cho anh L, chị P thì bị cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện K, tỉnh Gia Lai bắt giữ.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức của bị cáo xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về con dấu, tài liệu, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, vì vậy cần phải xử nghiêm trước pháp luật.

Bị cáo là người có sức khỏe, đủ năng lực nhiệm hình sự để điều chỉnh mọi hành vi hoạt động của bản thân, biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác và làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện sự coi thường pháp luật. Bị cáo chiếm đoạt tài sản nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Khi quyết định hình phạt xem xét bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn về hành vi đã thực hiện là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại anh Phạm Ngọc L, chị Vũ Thị Thùy P yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 570.000.000 đồng, anh Vũ Xuân N yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 60.000.000 đồng đã chiếm đoạt. Xét yêu cầu này là đúng pháp luật, nên được chấp nhận

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 ví da màu đen là tài sản của bị cáo nên trả lại cho bị cáo

Đối với 01 điện thoại di động liên quan hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước

Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại

Đối với số tiền 500.000 đồng thu của bị cáo, cần bảo thủ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 14 (Mười bốn) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”

Áp dụng điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt chung của hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải chấp hành là 17 (Mười bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/11/2018

2 Về phần dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải trả lại cho anh Phạm Ngọc L, chị Vũ Thị Thùy P số tiền 570.000.000đ (Năm trăm bảy mươi triệu) đồng, trả lại cho anh Vũ Xuân N số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu) đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định về trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Xử:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh T chiếc ví da màu đen;

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia có số Imel 357342087375890;

Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại của Nguyễn Thanh T;

Bảo thủ số tiền 500.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thanh T để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 20/2020 ngày 31/12/2019 giữa Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Gia Lai và Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ, phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn)

đồng án phí hình sự sơ thẩm và 31.500.000 (Ba mươi một triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh;
- Cục THA Dân sự tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam T20;
- Bị cáo; Người TGTG khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Giáp Bá Dự